

Số: 33/QĐ-THCSPT

Rạng Đông, ngày 06 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán chi ngân sách 3 tháng năm 2026  
của trường THCS Phúc Thắng

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHÚC THẮNG**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định  
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc  
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-  
CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số  
điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân  
xã Rạng Đông về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho trường  
Trung học cơ sở Phúc Thắng;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN 3 tháng năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán chi NSNN 3 tháng năm  
2026 của trường THCS Phúc Thắng (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận tài vụ nhà trường và các cá nhân liên quan có trách nhiệm  
thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã Rạng Đông;
- Như Điều 3;
- Lưu :VP



Nguyễn Cao Minh

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
(03 THÁNG NĂM 2026)**

*(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)*

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THCS Phúc Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng năm 2026

*Đơn vị: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
	Phí...				
	Phí ...				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp....</b>				
<b>a</b>	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
<b>b</b>	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
<b>a</b>	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
<b>b</b>	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				

2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>		<b>2.380.150.700</b>	<b>27%</b>	<b>139%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>		<b>2.380.150.700</b>	<b>27%</b>	<b>139%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>		<b>2.380.150.700</b>	<b>27%</b>	<b>139%</b>
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		1.865.950.700	26%	109%
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		514.200.000	37%	0%
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				



6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				

6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				



6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 06 tháng 04 năm 2026  
 Thủ trưởng đơn vị  
 (Chữ ký, dấu)  
  
 Nguyễn Cao Minh



**THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRƯỜNG THCS PHÚC THẮNG 3 THÁNG NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-THCSPT ngày 06/4/2026 của Trường THCS Phúc Thắng)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Rạng Đông về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho trường Trung học cơ sở Phúc Thắng;

Trường công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán chi NSNN 3 tháng năm 2026 như sau:

**I. Nguồn kinh phí được giao:**

- Kinh phí ngân sách nhà nước giao năm 2026: 8.685.741.000 đồng. Trong đó:
  - + Kinh phí tự chủ: 7.311.608.000 đồng
  - + Kinh phí không tự chủ: 1.374.133.000 đồng. Trong đó:
    - Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12): 957.150.000 đồng
    - Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 18): 416.983.000 đồng

**II. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách:**

Tổng kinh phí đã sử dụng 3 tháng năm 2026: 2.380.150.700 đồng đạt 27% so với dự toán năm. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đã sử dụng 3 tháng năm 2026: 1.865.950.700 đồng đạt 26% so với dự toán năm.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ đã sử dụng 3 tháng năm 2026: 514.200.000 đồng đạt 37% so với dự toán năm.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách Trường THCS Phúc Thắng năm 2026 *(Chi tiết theo biểu đính kèm)*./.